

PHẬT GIÁO với CÁCH MẠNG BẢN THÂN CON NGƯỜI

Đồng Minh

Xưa Đức Phật còn tại thế, Ngài thường thuyết pháp dạy đệ tử: “Hỡi các Tỳ Kheo, các người hãy tự mình thấp đước lên mà đi”.

Đạo Phật vì thế từ cơ bản sâu xa nhất của con đường đi tìm chân lý, phù hợp với tất cả mọi người. Vì đây là con đường mà khởi điểm cũng như cứu cánh đều bắt đầu và kết thúc ngay từ cuộc cách mạng bản thân con người. Đó là một giáo lý tự giác bắt nguồn từ quan sát của con người về bản thân và cuộc sống, để tìm ra những định luật phổ quát nhất của cuộc đời, trong ấy con người như một thể tính tương quan, có ý thức, sẽ tự giải phóng cho mình thoát khỏi những ràng buộc khổ đau của sinh, lão, bệnh, tử. Vì vậy Đức Phật mới nói: “Thắng muôn ngàn quân địch không bằng tự thắng mình. Tự thắng mình là chiến công oanh liệt nhất”.

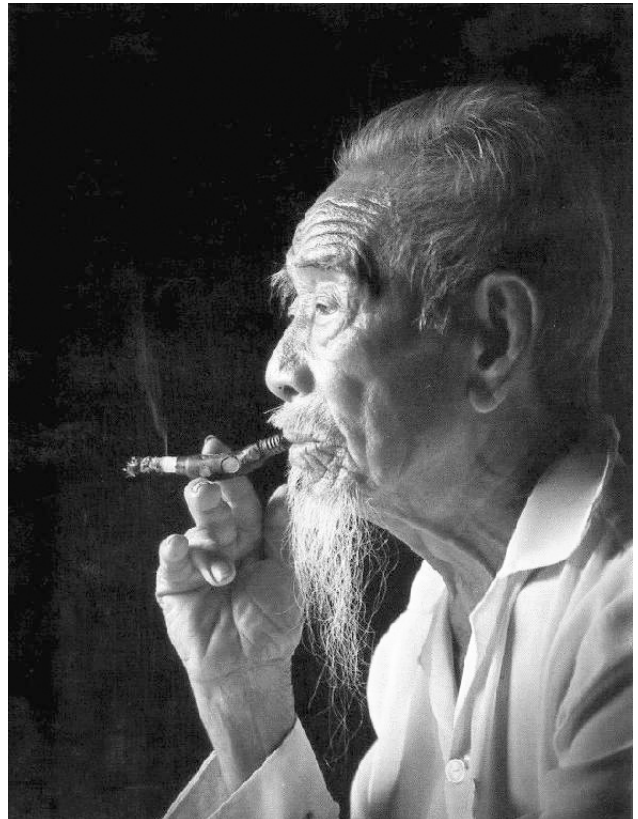
Nhìn vấn đề từ cơ bản như vậy thì Phật Giáo không phải chủ trương “xuất thế gian” như đôi khi bị ngộ nhận, mà Đạo Phật lấy cuộc đời này làm phương thức cơ sở để giải thích hiện diện của con người và liên hệ của con người và thế giới trong tương quan của một định luật rất khoa học, đó là lý nhân quả và thập nhị nhân duyên. Đạo Phật vì thế hợp với mọi lứa tuổi và khởi sự tại lòng người, mà Đức Phật chỉ là bậc khai sáng, giải thích, truyền đạt cái tâm Phật ấy nơi mỗi chúng sinh. Mỗi khi có một chúng sinh khám phá được cái tâm Phật ấy nơi mình, bằng bất cứ con đường nào để đạt đến Phật quả thì đây có thể xem như là một pháp môn của Phật Giáo. Bởi vì Đức Phật đã dạy đến tám muôn bốn ngàn pháp môn và tùy theo trình độ khả năng tự giác mà con người có thể đạt thành như Đức Phật. Cho nên Đức Phật mới dạy: “Ta là Phật đã thành, tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành”.

Như thế thì Đạo Phật rất gần gũi với con người, nhất là thanh niên. Bản chất của Phật Giáo trước hết là cách mạng cho bản thân. Đức Phật Thích Ca đã nêu tấm gương cách mạng ấy khi Ngài từ bỏ ngôi báu, từ bỏ phụ vương, từ bỏ vợ đẹp con ngoan, lầu đài, cung điện và giai cấp quý tộc của mình, để dẫn thân vào

núi rừng tuyết lạnh miền Bắc Ấn Độ làm một vị tu sĩ để tìm đường giải thoát cho chúng sinh. Do đó cho đến nay, các nhà nghiên cứu lịch sử Phật Giáo và cuộc đời Đức Phật đã thấy ý kiến cho rằng Đức Phật Thích Ca là đáng giác ngộ bậc nhất của nhân loại. Trước Ngài không có ai và sau Ngài hiếm có được một ai.

Nhưng vì sao Đạo Phật lại cho rằng bản thân con người cần phải làm cho mình một cuộc cách mạng?

Nhìn vào thực tế xã hội, chúng ta luôn thấy cuộc đời có nhiều khía cạnh tương khắc lẫn nhau. Ác khắc với thiện, chân đối nghịch với ngụy, chưa kể cái thực tại trung hòa khác mà ác, thiện, chân, ngụy lẫn lộn với nhau. Sống giữa xã hội là chúng ta bị chìm ngập trong vòng tương khắc, đối nghịch hay lẫn lộn ấy, nên mình cần tự tìm ra ánh sáng cho cuộc đời mình, để từ đó hướng dẫn gia đình, bà con quyến thuộc, và rộng ra nữa là xã hội, quốc gia mình đi theo con



đường mà mình cho đó là chân, thiện, mỹ. Xã hội luôn ở trong mê của cảnh tham, sân, si gây ra đối nghịch, tương khắc. Ánh sáng của mọi người khi mới lớn lên và được đặt trước cuộc đời là làm sao tự bản thân mình thấy được điều thiện, điều mỹ, điều chân để làm tốt cho cuộc đời mình, gia đình mình, xã hội mình. Tùy theo lứa tuổi mà cuộc cách mạng bản thân ấy sử dụng phương tiện để tìm ra chân lý. Người lớn lên đứng vào cuộc đời được Đức Phật xem như đứng trong ngôi nhà đang cháy, như con thiêu thân lao vào ngọn lửa để tự hủy mình vì lầm cho đó là ánh sáng mình cần phải nương theo. Trước đám cháy ấy mà họ đang mê lầm không nhận chân, chưa biết sinh, lão, bệnh, tử là khổ thì phải tùy hoàn cảnh và phương tiện mà tự cứu: chọn một con đường tốt để phục vụ, chọn một lý tưởng xã hội đẹp để theo, giúp người, cứu đời ở một số lãnh vực thường thấy trước mắt như bố thí, như giáo dục, như giúp đỡ người già yếu, hướng dẫn cô nhi, không đòi hỏi phải xả hết thân mạng, tài sản, nhưng đặt cơ sở cho người biết hy sinh thì giờ, sử dụng trí tuệ của mình vào việc lợi tha mà đối tượng là đồng bào mình, dân tộc mình, không lãng phí thời gian, không hưởng thụ vật chất, cũng là những phương tiện tự cứu. Đọc sách, tham khảo, dạy học và ngay cả thể dục thể thao cũng là những phương tiện tự cứu. Đức Phật trước khi xuất gia đã là một sinh viên giỏi, một võ sĩ xuất chúng và cũng là một nhà nghiên cứu tiếng chim muông, không khác gì các nhà bác học ngày nay từng nghiên cứu phản ứng các loài cỏ cây trong tương quan với sự sống con người. Con người, nhất là thanh niên nam nữ, có thêm kiến thức là có được cơ hội để mở mang trí tuệ của mình. Sự mở mang trí tuệ dù ở phương diện sơ đẳng nhất của sự tiếp nhận kiến thức vẫn là một mục đích tu học của Phật tử. Giới, Định, Huệ nếu là diễn tiến của tu học trong Đạo Phật, thì cũng là cơ bản diễn tiến con người ở ngoài đời. Sở dĩ vậy vì giới luật chỉ là kỷ luật sáng đặt cho mình một trật tự, chấp nhận cho mình một kỷ luật, để từ đó xây dựng cuộc sống được an lạc. Đây cũng là một phương diện của giới luật trong Đạo Phật. Tuy giới luật của Tăng sĩ rất cao, nhưng giới luật của Phật tử tại gia thì chỉ là một kỷ luật tối thiểu của con người hướng thiện. Đức Phật chỉ đặt ra cho người tại gia năm giới luật: không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Thiết tưởng, một người muốn sống bình thường nhất trong cuộc đời cũng phải tôn trọng ít nhất năm thứ kỷ luật đó. Đó chỉ là năm điều cơ bản làm tốt cho người để xây dựng một xã hội không có hận thù chiến tranh sát hại, không có man trá trộm cắp và cũng không có những cảnh bị mê man làm cho ngu muội đưa đến cảnh hỗn loạn tâm trí của con người.

Khi con người có kỷ luật, sống như vậy thì ổn định được vị trí của mình cao hơn là thiên định của các vị tu hành. Nhưng thấp hơn hết là mình có một hướng đời ngay thẳng, tốt đẹp để đi và từ đó mới có cơ sở phát huy trí tuệ. Vì thế nơi các nhà bác học, trí tuệ được phát triển ở đỉnh cao, vì họ đã tập trung nghiên cứu vào vài vấn đề chuyên biệt. Tập trung khả năng đó chính là Định vậy. Các nhà bác học ấy sống thanh thản ngoài tất cả man trá của cuộc đời, có vị không bao giờ biết đến rượu là cái gì, và có người không quan tâm về các tương quan khác ngoài xã hội nữa, họ chỉ biết phụng sự cho một mục đích. Do đó, áp dụng Giới, Định, Huệ vào đời, ta sẽ thấy Phật giáo giúp ta cải tiến bản thân, cho dù chưa làm được cuộc cách mạng như Đức Phật nhưng ít ra cũng thực hiện được những cảnh sống có nề nếp và có mục đích triển khai trí tuệ phục vụ quần sanh. Phật Giáo vì vậy không tách rời cuộc sống con người. Xã hội càng văn minh càng thấy cái nhìn siêu việt của Đức Phật vào chỗ ở của con người, nghĩa là vào trí tuệ con người là đúng đắn.

Sự phát triển trí tuệ, trên cơ sở của phát minh khoa học, là sự khai phóng cái “nơ-ron” của não bộ con người. Con người có kỷ luật, có định hướng thì “nơ-ron” khai phóng được, nghĩa là có trí tuệ. Trái lại, nếu con người sống lêu lổng, rượu chè, cờ bạc, trộm cắp, vô kỷ luật thì cái nơ-ron sẽ già cỗi và tự tiêu hủy không thay thế được. Đức Phật, bậc đại giác ngộ, Ngài có khả năng vận dụng được trí tuệ mình, nhờ vào sức mạnh của giới luật và thiên định, tập trung khả năng của mình để thấu suốt con người, vũ trụ, quá khứ, vị lai..Cho nên Đức Phật mới dạy: “Về cái tiểu thái cực là trong một giọt nước có vô số chúng sanh, và về cái đại thái cực tức là vũ trụ của chúng ta thì vốn không có bắt đầu và không có giới hạn đúng như nguyên lý của khoa học hiện đại ngày nay. Do đó, không cần phải đến Einstein, chúng ta mới hiểu công thức về năng lượng MC^2 , về sự chuyển động đường cong của ánh sáng, về sự vô biên của vũ trụ, hay về tương đối tính của sự vật và hiện tượng mà chính trong kinh điển của Phật Giáo, qua lời dạy ngắn gọn của Đức Phật, tất cả các điều ấy đã từng sáng ra như cái chân lý cách đây hơn 2.500 năm. Vì



vậy, Phật Giáo gắn gũi với con người và là một giáo lý tiên phong của mọi cuộc cách mạng, khi Đức Thích Ca đặt ra nguyên tắc bình đẳng, xóa bỏ giai cấp trong xã hội Ấn Độ thời bấy giờ: "Ta là Phật đã thành, tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành". Phật tánh nơi mỗi người đều giống nhau, đều có một cõi lòng rộng lớn, cái khác nhau là khai sáng được cõi lòng đó, trí tuệ đó của mình hay không. Và phải làm sao, theo tiến trình nào để tự khai sáng. Do đó khi Đức Phật đề ra sự khai sáng trí tuệ bằng ba chặng đường Giới Định Huệ thì cũng có nghĩa ba chặng đường đó không dài ngắn khác nhau mà có khi cùng xảy ra một lúc. Giới luật được cho mình thì mới tạo nên được định hướng hay thiền định và thiền định được ở bậc cao hay định hướng được ở bậc thấp thì đương nhiên trí tuệ tự nó khai sáng. Đó là một phương thức cải tiến bản thân, để con người tự tìm thấy nơi ánh sáng trí tuệ, nghĩa là của chân lý.

Như thế chân lý vốn không có ở ngoài con người, mà chính do con người tự tìm ra cho mình nơi khả năng tự giác của bản thân. Sự hỗ trợ của giáo lý Phật giáo chỉ là sự giúp đỡ cho mọi người tự tìm ra ánh sáng nơi bản thân, đó là Phật tánh. Phật Giáo không xa rời con người, mà trái lại rất gần gũi con người, và có thể đồng nhất một thể với các lời của Đức Phật, nếu chúng ta có ý chí, có năng lực tự làm cuộc cách mạng bản thân để phục vụ gia đình và xã hội. Đó cũng là một phần của thuyết tu thân do Khổng Tử đề xướng cùng thời với Đức Phật: tu thân, tề gia, trị quốc và bình thiên hạ. Lý thuyết nhập thế của Đức Khổng Tử vì vậy cũng bắt đầu chính nơi sự tu sửa bản thân mình. Có tu thân được mới tề gia, có lo nổi việc gia đình mới đứng ra trị quốc, có trị quốc giỏi mới bình thiên hạ. Ngày nay, chúng ta thấy nhan nhản khắp nơi nhiều kẻ bản thân u tối, sân si, nghịch thù đã dám nói chuyện cai trị quốc gia, đã dám đứng ra nói chuyện loài người, bàn chuyện thế giới. Có những chủ thuyết như Cộng sản, trong phạm vi một quốc gia chưa hoàn thiện được cuộc sống con người, đã dám hô to việc bình thiên hạ, hay nghĩa vụ quốc tế. Đó là những điều mà từ sơ khởi đã vi phạm đến quy luật tự giác cần thiết cho mỗi kỳ vọng lớn lao. Tự giác chưa xong, tu thân chưa được, tự mình chưa tạo được khuôn phép giới luật cho mình, thì không thể nói việc giúp người hay chuyện bình thiên hạ.

Giáo lý của Đức Phật rất gần gũi với thực tế phát xuất từ sự suy tưởng về con người và thế giới của chúng ta, cho nên đó là con đường để mọi người hiện nay suy gẫm, cải thiện bản thân bằng những việc nhỏ, kiểm điểm các thành quả từng ngày để ngày mai tiến bộ thêm lên trong tương quan giữa mình và xã hội.

Vu lan, tìm hiểu Tứ Trọng Ân



1. Ân Quốc Gia: tức là nêu cao tinh thần yêu nước thương nòi, tôn trọng các bậc anh hùng liệt nữ, danh nhân tử sĩ đã xả thân vì đại nghĩa quốc gia, tự cường cho dân tộc

2. Ân Xã Hội: Nói chung về ân thầy bạn, các đoàn thể nhân quyền trong cộng đồng sinh hoạt mỗi người một việc để cung ứng các nhu cầu cần thiết cho nhau, đem lại nếp sống tinh thần và vật chất phú túc thăng hoa.

3. Ân Tông Tổ Mẹ Cha: là những vị đã tận tình gây dựng sự nghiệp, san sẻ phần nào tinh hoa và sức sống các ngài để tài bồi cho lớp hậu duệ vươn lên. Cha Mẹ là những người trực tiếp sinh dưỡng con cái, thì không lời nào tán dương cùng tận, không bút mực nào diễn tả cho trọn vẹn ân đức của Mẹ Cha! Xem phim về các loài động vật, thỉnh thoảng chúng ta thấy nhiều loại động vật ra sức chống cự với đối thủ cường bạo để bảo vệ đàn con, hay thấy chúng tha từng miếng mồi về mớm cho con trong cảnh "mẹ thấy con vui, con thấy mẹ mừng", con đực luôn canh chừng các hung thú dòm ngó từ bên ngoài, có thể thừa cơ đột nhập bắt bớ... Ôi tình nghĩa mẹ cha tha thiết mặn nồng.

4. Ân Đức Tam Bảo: là ghi nhớ ân đức cao dày của Phật - Pháp - Tăng. Đức Thích Ca Như Lai là một nhân vật thượng thặng giữa thế gian nhưng Ngài không tham luyến riêng tư, quyết "xả thân cầu đạo, xả phú an bần". Ngài lưu lại cho đời một Giáo Pháp vô thượng thậm thâm, thiên nhân kính ngưỡng, thật là một nhân vật vô song, nên Phật tử hay thế nhân

ngiên mình đánh lễ ghi ân Ngài là điều hiển nhiên
(văn thiện ngôn tắc bá).